

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 351/2019/HC-PT
Ngày: 12/12/2019
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Đặng Bảo Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 144/2019/TLPT-HC ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2019/HC-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11069/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Bùi Thị H

Địa chỉ: Tổ 2B, thị trấn S, huyện S, tỉnh L; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Mạnh H; có mặt.

Địa chỉ: số nhà 007, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh L.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện S, tỉnh L.

2.2. Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh L

Địa chỉ: số 091, phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Mạnh H - Phó Chủ tịch UBND huyện S; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Ông Lê Hồng L; vắng mặt.
- 3.2. Bà Trần Thị E; vắng mặt.
- 3.3. Ông Lê Hồng A; vắng mặt.
- 3.4. Bà Phạm Thị B; có mặt.
- 3.5. Bà Kiều Thị L; có mặt.
- 3.6. Bà Lê Thị Thu H; có mặt.
- 3.7. Anh Nguyễn Ngọc Q; vắng mặt.
- 3.8. Anh Lê Ngọc P; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 2B, thị trấn S, huyện S, tỉnh L.

Người kháng cáo: Bà Bùi Thị H, ông Lê Hồng A và bà Phạm Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 11/10/2012, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện S, tỉnh L ban hành Quyết định số 2176/QĐ-UBND về việc thu hồi 7.399,6m² đất của hộ gia đình bà Bùi Thị H tại tổ 2A và 2B, thị trấn S để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S.

Cùng ngày 11/10/2012, UBND huyện S ban hành Quyết định số 2188/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Bùi Thị H.

Ngày 13/10/2014, bà Bùi Thị H có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện S, yêu cầu hủy Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 của UBND huyện S. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2015/HCPT ngày 10/9/2015, Tòa án nhân dân tỉnh L đã giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2015/HCST ngày 15/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện S, xử bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ngày 30/3/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 242/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 2176/QĐ-UBND và Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 của UBND huyện S.

Ngày 29/9/2017, UBND huyện S ban hành Quyết định số 781/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND huyện S.

Ngày 31/5/2018, gia đình bà H nhận được Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện S.

Ngày 05/6/2018, bà H có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh L, yêu cầu hủy Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện S.

Ngày 15/8/2018, UBND huyện S ban hành Quyết định số 888/QĐ-UBND về việc thu hồi 3.416,22m² đất và Quyết định số 887/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Bùi Thị H tại tổ 2B thị trấn S để thực hiện Dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S.

Ngày 07/9/2018, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 999/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi 3.416,22m² đất của hộ gia đình bà Bùi Thị H.

Ngày 14/9/2018, bà H có đơn khởi kiện bổ sung đến Tòa án nhân dân tỉnh L, bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND huyện S, Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện S.

Ngày 26/11/2018, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1248/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 887/QĐ-UBND, Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 và Quyết định số 999/QĐ-UBND của UBND huyện S.

Ngày 10/12/2018, bà H bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND huyện S.

Ngày 18/12/2018, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1355/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND huyện S.

Ngày 18/12/2018, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1356/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện S.

Ngày 16/01/2019, UBND huyện S ban hành Quyết định số 61/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND huyện S.

Ngày 16/01/2019, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện S.

Ngày 16/01/2019, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện S.

Ngày 17/01/2019, UBND huyện S ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND huyện S.

Bà H vẫn không rút các yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 25/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/02/2019, bà Bùi Thị H có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 12/02/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hồng A

và bà Phạm Thị B có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Bùi Thị H là ông Trần Mạnh C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Bà Phạm Thị B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh L là có cơ sở; kháng cáo của bà Bùi Thị H, ông Lê Hồng A và bà Phạm Thị B không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H, ông Lê Hồng A và bà Phạm Thị B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến của các đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 05/6/2018, bà Bùi Thị H khởi kiện đề nghị hủy các quyết định: Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 về việc hủy bỏ Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 30/3/2017; Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND huyện S về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa-Bến xe khách thị trấn S, huyện S; Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 về việc hủy bỏ Quyết định số 887/QĐ-UBND, Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 và Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND huyện S. Các quyết định trên đều là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; khởi kiện trong thời hiệu luật định. Tòa án nhân dân tỉnh L thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện S về việc hủy bỏ Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 30/3/2017: Ngày 05/6/2018, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 781/QĐ-UBND. Ngày 18/12/2018, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1356/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số

781/QĐ-UBND. Như vậy, Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện S đã bị huỷ bỏ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H có căn cứ. UBND huyện S ban hành Quyết định số 1356/QĐ-UBND là đúng quy định trình tự, thẩm quyền tại Điều 66 Luật đất đai; Điều 13 Luật khiếu nại; khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính. Không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông A và bà B.

[3]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND huyện S về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S, huyện S: Ngày 14/9/2018, bà H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu huỷ Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND huyện S. Ngày 16/01/2019, UBND huyện S ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND về việc huỷ Quyết định số 888/QĐ-UBND; như vậy, Quyết định số 888/QĐ-UBND đã bị huỷ bỏ. Do đó, đối tượng khởi kiện là Quyết định số 888/QĐ-UBND không còn, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc huỷ bỏ Quyết định số 888/QĐ-UBND là đúng. UBND huyện S ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 16/1/2019 là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại Điều 66 Luật đất đai; Điều 13 Luật khiếu nại; khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính; nên không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông A và bà B.

[4]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc cưỡng chế thu hồi đất: Ngày 14/9/2018, bà H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu huỷ Quyết định số 999/QĐ-UBND; ngày 16/01/2019, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND về việc huỷ Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 7/9/2018. Quyết định số 999/QĐ-UBND đã bị huỷ bởi Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 16/1/2019 của Chủ tịch UBND huyện S. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc huỷ Quyết định số 999/QĐ-UBND là đúng. Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 16/1/2019 của Chủ tịch UBND huyện S là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai; Điều 13 Luật khiếu nại; khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông A và bà B.

[5]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND huyện S: Ngày 10/12/2018, bà H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu huỷ Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND huyện S. Ngày 16/01/2019, UBND huyện S ban hành Quyết định số 61/QĐ-UBND huỷ bỏ Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND huyện S. Như vậy, đối tượng khởi kiện là Quyết định số 1248/QĐ-UBND đã bị huỷ bỏ bởi Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND

huyện S; Toà án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 1248/QĐ-UBND là có căn cứ. UBND huyện S ban hành Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 về việc hủy Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 66 Luật đất đai; Điều 13 Luật khiếu nại; khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính; vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông A và bà B.

[6]. Về án phí: Kháng cáo của bà Bùi Thị H, ông Lê Hồng A và bà Phạm Thị B không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H, ông Lê Hồng A và bà Phạm Thị B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Về án phí: bà Bùi Thị H, ông Lê Hồng A mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0000393 ngày 21/02/2019 và Biên lai số 0000392 ngày 21/02/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh L;
- TAND tỉnh L;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu: HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình